

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05-7-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Quản Thị Vân Anh;
2. Bà Nguyễn Thị Tám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Diên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vịnh, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 79/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; cư trú tại: ấp A, xã B, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lê Văn Gi, sinh năm 1980; cư trú tại: ấp A, xã B, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 02 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Lê Văn G tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 1999, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống không hạnh phúc do anh Gi thường xuyên rượu chè, cờ bạc không lo chịu làm ăn. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn Gi.

Về con chung: Chị và anh Lê Văn Gi chung sống có 03 con chung tên Lê Văn Th, sinh ngày 23/9/2000, Lê Anh K, sinh ngày 27/11/2005, Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 27/10/2017. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi 02 con chung tên Lê Anh K và Lê Ngọc H, không yêu cầu anh Gi cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với cháu Lê Văn Th đã trên 18 tuổi tự lao động nuôi sống được bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn Gi đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để làm việc nhưng anh Gi không đến làm việc nên Tòa án không thể lấy lời khai của anh Gi và không tiến hành thủ tục hòa giải được. Do đó, Tòa án đã tiến hành đầy đủ thủ tục tổng đạt đúng theo quy định để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Gi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 96, 97, 98, 195, 196, 203 và Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn Gi chung sống vợ chồng vào năm 1999, không đăng ký kết hôn, anh chị có 03 con chung tên Lê Văn Th, sinh ngày 23/9/2000, Lê Anh K, sinh ngày 27/11/2005 và Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 27/10/2017. Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi 02 con chung cháu Lê Anh K và Lê Thị Ngọc H, không yêu cầu anh Gi cấp dưỡng. Đối với cháu Lê Văn Th đã trên 18 tuổi tự lao động nuôi sống được bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó về hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị H và anh Gi là vợ chồng. Về con chung giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên Lê Anh K và Lê Thị Ngọc H, ghi nhận chị H không yêu cầu anh Gi cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Lê Văn Th đã trưởng thành

tự lao động nuôi sống được bản thân chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên cần ghi nhận. Về tài sản chung và nợ chung, chị Hồng không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Lê Văn Gi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H và anh Gi.

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn Gi có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, chung sống như với nhau như vợ chồng từ năm 1999 mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quan hệ hôn nhân giữa chị Hồng và anh Giàu không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn Gi có 03 con chung tên Lê Văn Th, sinh ngày 23/9/2000, Lê Anh K, sinh ngày 27/11/2005 và Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 27/10/2017. Chị H yêu cầu được nuôi 02 con chung cháu Lê Anh K và Lê Thị Ngọc H. Đối với cháu Lê Văn Th đã trên 18 tuổi tự lao động nuôi sống được bản thân nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án không làm việc được với anh Gi nên không thể hiện ý chí muốn được nuôi con của anh Gi. Hơn nữa, cháu Lê Anh K có nguyện vọng được sống cùng với chị Hồng nên cần tôn trọng nguyện vọng của cháu. Đối với cháu H hiện nay dưới 36 tháng tuổi hơn nữa cháu là con gái nên cần giao cho chị H nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung Lê Anh K và Lê Thị Ngọc H. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh Gi cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn Gi.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn Gi có 03 con chung tên Lê Văn Th, sinh ngày 23/9/2000, Lê Anh K, sinh ngày 27/11/2005, Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 27/10/2017. Riêng cháu Lê Văn Th đã trưởng thành tự lao động nuôi sống được bản thân nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung Lê Anh K và Lê Thị Ngọc H. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh Gi cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Lê Văn Gi có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Nguyễn Thị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh Lê Văn Gi không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006039 ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA TAT;
- VKS huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ (D).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Ngọc An

